

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TT2+CNV	7:25	14+1+7	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
2		BK14+RC3+RP2	7:25	17+1+3	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
3		RP2+RC4+P2	7:25	18+2+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	chuyen 4 rc4-p2
4		T.UNG	7:25	19	0		16	0	
5		TD2+BK9+Thor	9:25	16+5+0	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
6		CLO+BK6+BK8	9:25	8+14+0	0+0+0		6+0+13	0+0+0	
7		BK20+GTCl+CTK3	9:25	5+0+15	0+0+0		5+0+16	0+0+0	chuyen 2 gfc1-ctk3

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK14-(TD2)-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/07/2025		TO: CTK3 - TTC2 - CNV			AIRCRAFT: 410			ETD: 07:30		
FLIGHT: I		FROM: VT			CREW: NAM - VTHANG - QTRUONG			ETA: 09:20		
XANH-I										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO VAN DAU	CTK3	30	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TIEN DUNG	CTK3	28	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH NHO HOANG	CTK3	23	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VAN DOANH	CTK3	31-32	2	11			64	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	25	1	6			47	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN TRUC	CTK3	19	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DANH TUAN	CTK3	22	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MANH PHUC	CTK3	27	1	3			48	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THAI ANH	CTK3	29	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG AN	CTK3	18	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH QUANG HOAN	CTK3	26	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG QUOC BAO	CTK3	20-21	2	7			58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	24	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG PHUC THANG	CTK3	33	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HOANG LONG	TTC2	73	1	5	2	29	76	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG DUC HANH	CNV	99	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG VAN KHANH	CNV	03	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CNV	01-02	2	15	4	62	69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VU HOANG	CNV	96	1	5	2	22	76	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG QUANG HUY	CNV	800	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAO DUC THANG	CNV	04-05	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG PHUC ANH	CNV	95	1	6			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	14	951	16	84	0	0	13		
2	TTC2	1	76	1	5	2	29	2		
3	CNV	7	470	9	58	6	84	7		
TOTAL		22	1,497	26	147	8	113	22		
WEIGHT KG			1,497		147		113			

GRAND TOAL:

1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/07/2025	TO: BK14 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHM - T.HIEU - THONG	ETA: 09:30
VANG-1			

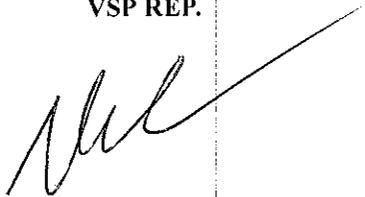
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THANH TUYEN	BK14	37-38	2	14			80	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM THANH TAI	BK14	39-41	3	14			80	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TIEN NGOC	BK14						82	DK9	Vietnamese
4	LE ANH TUAN (17373)	BK14	85	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN QUANG TUAN	BK14	43	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	32	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH ĐỨC	BK14	42	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG MINH	BK14	36	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET LONG	BK14	02	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THIN	BK14	45	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC SANG	BK14	33	1	10			54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LUAN	BK14	86	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN CUONG	BK14	87	1	14	1	8	85	DVL	Vietnamese
14	TRAN QUOC TOAN	BK14	06,55	2	18			87	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI ANH TUAN	BK14	51-52	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
16	LE ĐANG TIEN	BK14	53-54	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SA	BK14	34-35	2	9			67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN BA HUNG	RC3	78	1	6	4	45	77	QUATEST3	Vietnamese
19	ZHDANOV V.N.	RP2	20	1	20			134	KHOAN	Russian
20	BUI NGOC QUANG	RP2	21	1	8			65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	17	1.293	23	169	1	8	17		
2	RC3	1	77	1	6	4	45	0		
3	RP2	2	199	2	28	0	0	5		
TOTAL		20	1.569	26	203	5	53	22		
WEIGHT KG			1.569		203		53			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/07/2025		TO: RP2 - RC4 - P2			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:35		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: HUNG - TTRUNG -			ETA: 09:25		
Vnhs Flying Number: TM25/2684					MQUAN			CAM-1		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	RP2	85	1	8			80	ANTOAN	Vietnamese
2	HICHAM KHOULED	RP2	95-96	2	17			79	THIEN NAM	Algeria
3	LAKAS ABDELMADJID	RP2	99,200	2	12			76	THIEN NAM	Algeria
4	VŨ PHÚC LINH	RP2	09	1	3	3	40	65	THIEN NAM	Vietnamese
5	VŨ THANH NHON	RP2	90-91	2	15	1	10	62	THIEN NAM	Vietnamese
6	VŨ HUY TRỌNG	RP2	05-06	2	8			68	THIEN NAM	Vietnamese
7	LÊ VĂN HAO	RP2	02	1	8			79	THIEN NAM	Vietnamese
8	CAO VĂN TÂN	RP2	93-94	2	11			70	THIEN NAM	Vietnamese
9	NGUYỄN BA	RP2	89	1	8			80	THIEN NAM	Vietnamese
10	MAI THANH SƠN	RP2	07-08	2	12			59	THIEN NAM	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH MẠNH	RP2	01	1	4			57	THIEN NAM	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN LINH	RP2	4000	1	4			74	THIEN NAM	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THỊ	RP2	04	1	10			64	THIEN NAM	Vietnamese
14	TRẦN HỒNG THAI	RP2	03	1	8			73	THIEN NAM	Vietnamese
15	VŨ NGỌC ĐIệp	RP2	799,300	2	8			74	THIEN NAM	Vietnamese
16	NGÔ VĂN THỰC	RP2	87-88	2	17			70	THIEN NAM	Vietnamese
17	JOHN BECK	RP2	97	1	8	1	16	107	THIEN NAM	New Zealand
18	NGUYỄN THAI HÒA	RP2	86	1	5			82	THIEN NAM	Vietnamese
19	NGO VIET PHUONG	RP2	04-05	2	14			83	KHOAN	Vietnamese
20	NGO PHAM THANH HUY	RC4	28-29	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG HIỆP	RC4	30	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	19	1.402	28	180	5	66	16		
2	RC4	2	151	3	26	0	0	1+4	CHUYEN 4 PAX RC4-P2	
3	P2	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.553	31	206	5	66	22		
WEIGHT KG			1.553		206		66			

GRAND TOAL:

1.825 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CREW





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/07/2025		TO: T.UNG			AIRCRAFT: 619			ETD: 07:45		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: TRƯỜNG - MMINH			ETA: 11:00		
Vnhs Flying Number: TM25/2682					TRANG-1					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	T.UNG						69	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN DUNG	T.UNG				2	22	52	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN PHU	T.UNG						68	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN MINH HOANG	T.UNG	07	1	3			85	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN ANH UNG	T.UNG	800	1	2			67	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG PHƯƠNG	T.UNG						85	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRƯỜNG BIÊN	T.UNG	13	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HOÀN	T.UNG	11	1	7			65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC NAM	T.UNG	14-15	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN HỮU	T.UNG	08-09	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHƯƠNG	T.UNG	26-27	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN LAM	T.UNG	24-25	2	10			76	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO XUÂN PHƯƠNG	T.UNG	17	1	11	1	16	62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG HIỆU	T.UNG						79	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN ĐÌNH THANH	T.UNG	10	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN ĐÌNH THẮNG	T.UNG	22-23	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN BA DIỆN	T.UNG	12	1	16			81	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ THẾ ANH	T.UNG	18-19	2	13			61	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NAM ĐỊNH	T.UNG	20-21	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	19	1.348	21	172	3	38	16		
TOTAL		19	1.348	21	172	3	38	16		
WEIGHT KG			1.348		172		38			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/07/2025		TO: TD2 - BK9 - THOR			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - CUÔNG -			ETA: 11:40		
Vnhs Flying Number: TM25/2677					QTRƯỜNG			XANH-2		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ TÀN HOA	TD2	51	1	7	1	15	75	SCHLUMBE	Vietnamese
2	LÊ XUÂN TINH	TD2	47-48	2	13	1	11	73	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TOÀN	TD2	45-46	2	16	1	18	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ANH	TD2	51-52	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU QUANG NGHỊ	TD2	41-42	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH KHANH	TD2	39-40	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
7	VÔ VĂN TÙNG	TD2	33-34	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM PHƯƠNG DŨNG	TD2	54-55	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HÙNG	TD2	49	1	5	1	22	75	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH PHỤNG	TD2	29-30	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
11	BIỆN VĂN THIÊN	TD2	37-38	2	20			83	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ TIẾN DŨ	TD2	35-36	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VĂN SƠN	TD2	31-32	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÌNH QUANG SƠN	TD2	43-44	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐO	TD2	50	1	8			71	PSV	Vietnamese
16	ĐẶNG HOANG ANH	BK9	42	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ THẾ HẬU	BK9	39	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	41	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	40	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CAO MÔNG	BK9	38	1	6			58	PSV	Vietnamese
21	DEMİN	THOR	31	1	7	1	4	99	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	15	1.043	27	232	4	66	10		
2	BK9	5	364	5	35	0	0	9		
3	THOR	1	99	1	7	1	4	3		
TOTAL		21	1.506	33	274	5	70	22		
WEIGHT KG			1.506		274		70			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/07/2025	TO: BK6 - CLO - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHM - T.HIEU - THONG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VIET HOANG	BK6	12	1	13			59	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN TIEN THIEN	BK6	10-11	2	18			80	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM MINH ĐỨC	BK6	26-27	2	20			85	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TOAN	BK6	04-05	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO QUANG PHUC	BK6	13-14	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN LOI	BK6	19-20	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGOC HOANG	BK6	24-25	2	21			62	XAYLAP	Vietnamese
8	LE CONG THOI	BK6	08-09	2	21			59	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUC TUAN	BK6	06-07	2	20			84	XAYLAP	Vietnamese
10	VU LE HUNG	BK6	15-16	2	18			51	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO DUC THAI	BK6	21-22	2	20			88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SOAI	BK6	17	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO HOANG NAM	BK6	23	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
14	VU ANH TUAN	BK6	18	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN PHUC	CLO	87	1	16	1	10	72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUYEN	CLO	85-86	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM HIEN TRUONG	CLO	94	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRAN TIEN	CLO	91-92	2	13			64	NAM TIEN	Vietnamese
19	DOAN KHANH DUY	CLO	90	1	10			66	NAM TIEN	Vietnamese
20	LE VAN LANH	CLO	89	1	9			55	NAM TIEN	Vietnamese
21	VU HUU DI	CLO	88	1	9			91	NAM TIEN	Vietnamese
22	VU VAN THUONG	CLO	93	1	10			64	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK6	14	974	24	231	0	0	0		
2	CLO	8	538	10	92	1	10	9		
3	BK8	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	1.512	34	323	1	10	22		
WEIGHT KG			1.512		323		10			

GRAND TOAL:

1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/07/2025		TO: BK20 - CTK3 - AMD			AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 7		FROM: VT			CREW: HÙNG - TTRUNG - MQUÂN			ETA: 11:45		
CAM-2					VNHS FLIGHT: TM25/2685					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUAN HIEU	BK20	04	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN SƠN	BK20	03	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NĂM	BK20	05	1	8	3	55	73	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH HÀ	BK20	02	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUỐC DƯƠNG	BK20	01	1	7			56	PSV	Vietnamese
6	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	54	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	56	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG HOANG ANH	CTK3	60-61	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	39	1	7	3	60	69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	40	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	CTK3	37-38	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN KHÁC THĂNG	CTK3	55	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	58	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	57	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	59	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ QUANG HẢI	CTK3	42	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH QUANG	CTK3	64	1	8			71	NAM TIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	41	1	4			58	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BẢO	CTK3	62-63	2	12			65	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	65	1	9			70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	5	348	5	36	3	55	5		
2	CTK3	15	1.009	18	118	3	60	15		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	1.357	23	154	6	115	21		
WEIGHT KG			1.357		154		115			

GRAND TOAL:

1.626 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNH REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG